TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/DS-ST
Ngày: 02-02-2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tú Trinh.

2. Ông Kiêm Hươl.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Luyến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: (không có).

Ngày 02 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 377/2022/QĐXX-ST ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Kim H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện K, tỉnh S.

Bị đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1975.

Địa Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện K, tỉnh S.

(Chị Hcó mặt; Chị L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/9/2022, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Lê Kim H trình bày:

Chị Lê Thị L là đầu thảo hụi, chị Lê Kim H là hụi viên có tham gia hụi do chị Lê Thị L làm đầu thảo, cụ thể như sau:

Dây hụi mùa 2.000.000 đồng, mở ngày 22/02/2017 âm lịch, hụi có 19 phần, chị Lê Kim H tham gia 01 phần, đã đóng được 15 lần x 2.000.000 đồng = 30.000.000 đồng (tính luôn tiền lãi). Dây hụi này còn 04 lần nữa mãn.

Nay chị Lê Kim H yêu cầu chị Lê Thị L có trách nhiệm trả lại số tiền hụi còn thiếu là 30.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên Tòa, chị Lê Kim H có ý xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chị Lê Kim H chỉ yêu cầu chị Lê Thị L trả số tiền hụi còn nợ là 20.000.000 đồng.

Bị đơn là chị Lê Thị L vắng mặt:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên Tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai những vắng mặt không rõ lý do và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời bị đơn không có yêu cầu phản tố. Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách đã tiến hành các thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn là có căn cứ và đúng với quy định tại khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dấn sự năm 2015.

Tại phiên Tòa, nguyên đơn có ý kiến xin thay đổi một phần yêu cầu tiền hụi, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hụi còn nợ là 20.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi về số tiền hụi của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét số tiền hụi mà bị đơn còn nợ theo sự thay đổi này của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 244 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn đã có giao dịch về tài sản dưới hình thức góp hụi với mục đích tương trợ, có hưởng huê hồng và tiền lãi được thực hiện theo quy định của pháp luật là có thật. Bỡi lẽ, bị đơn có tổ chức góp hụi và nguyên đơn có tham gia là đúng sự thật, vì tại phiên Tòa, những nguyên đơn trong vụ án khác như bà Trần Thị Đ, bà Dương Thị H1 và chị Trang Hồng N cũng là những người đang khởi kiện tranh chấp tiền hụi với cùng bị đơn là chị Lê Thị L đều xác nhận là có tham gia chơi hụi cùng với nguyên đơn và xác định bị đơn Lê Thị L tự ý ngưng góp hụi và cố tình lánh mặt không thanh toán lại tiền hụi cho các hụi viên. Cho nên, yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn phải thanh toán số tiền góp hụi còn nợ là 20.000.000 đồng là chính đáng và có căn cứ pháp luật để Hội đồng xét xử xem xét.

Nguyên đơn không yêu cầu tính thêm tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện trả tiền hụi. Xét thấy, việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi phát sinh là có lợi cho bị đơn, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Cho nên, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí DSST: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 142, Điều 147, khoản 2, Điều 227, khoản 3, Điều 228, khoản 1, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ: Về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ khoản 1, Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ: Về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Kim H. Buộc chị Lê Thị L chịu trách nhiệm thanh toán cho chị Lê Kim H số tiền hụi còn nợ là 20.000.000 đồng **(hai mươi triệu đồng)**.

2. Về án phí, chi phí tố tụng:

Chị Lê Kim H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **750.000 đồng (bảy trăm năm mươi ngàn đồng)** theo biên lai thu số 0004742 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Chị Lê Thị L phải chịu **1.000.000 đồng (một triệuđồng)** tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án xử công khai, chị Lê Kim H có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án.

Chị Lê Thị L không có mặt tại phiên Tòa và cũng không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày bản án có hiệu lực để thi hành và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Hải Duy